

## GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT RAU AN TOÀN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI

**Nguyễn Thu Trang**

*ThS. Trường Đại học Lâm nghiệp*

### TÓM TẮT

Thị trường rau xanh ở Hà Nội còn rất rộng lớn, nên việc gia tăng diện tích, năng suất, sản lượng rau, đặc biệt là rau an toàn (RAT) rất cần thiết. Một số huyện của Hà Nội, trong đó có huyện Quốc Oai cũng đã tập trung triển khai nhiều chương trình, đề án, chính sách để phát triển các vùng trồng rau an toàn của huyện như xây dựng đề án vùng sản xuất RAT tập trung xã Tân Phú, tổ chức các lớp tập huấn cho người dân, xin chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất RAT cho các xã có quy hoạch vùng RAT, gắn nhãn nhận diện cho xuất xứ hàng hóa, từng bước đưa sản xuất RAT theo chuẩn quy trình VietGap. Bài báo đã đưa ra một số giải pháp thiết thực để giải quyết những tồn tại này nhằm góp phần phát triển sản xuất RAT trên địa bàn huyện, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng, góp phần nâng cao thu nhập cho người sản xuất và gia tăng lợi ích xã hội.

**Từ khóa:** *Diện tích rau an toàn, rau an toàn, sản xuất rau an toàn, VietGap.*

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo báo Hà Nội mới, tính đến tháng 7/2014, toàn địa bàn Hà Nội đã có 5.000 ha được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất RAT, tăng 500 ha so với năm 2013. Với 5.000 ha sản xuất RAT, ước tính đã sản xuất được khoảng 350.000 tấn rau, chiếm 58% sản lượng sản xuất và mới chỉ đáp ứng 35% nhu cầu tiêu thụ rau xanh của Hà Nội. Thị trường rau xanh ở Hà Nội còn rất rộng lớn, nên việc gia tăng diện tích, năng suất, sản lượng rau đặc biệt là RAT rất cần thiết. Những năm gần đây, UBND huyện Quốc Oai cũng đã tập trung triển khai nhiều chương trình, đề án, chính sách để phát triển các vùng trồng rau RAT của huyện. Tuy nhiên, thực tiễn vẫn còn tồn tại những hạn chế, bất cập cần phải khắc phục. Việc đánh giá đúng thực trạng sản xuất RAT hiện nay trên địa bàn huyện Quốc Oai nhằm tìm ra những hạn chế, tạo cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp hữu hiệu, thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm RAT, bảo vệ người tiêu dùng, tăng cao thu nhập cho người lao động vùng sản xuất rau là rất cần thiết.

### II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Phương pháp chọn điểm và chọn mẫu nghiên cứu

##### 2.1.1. Chọn điểm nghiên cứu

Nghiên cứu lựa chọn hai xã Tân Phú và xã Yên Sơn - Huyện Quốc Oai làm điểm nghiên cứu, do đây là hai xã có diện tích trồng rau an toàn lớn nhất của huyện Quốc Oai.

##### 2.1.2. Chọn mẫu nghiên cứu

Đề tài thực hiện lựa chọn 60 hộ nông dân tại 2 xã Yên Sơn và Tân Phú, mỗi xã chọn ngẫu nhiên 30 hộ trồng rau an toàn để điều tra phỏng vấn.

#### 2.2. Phương pháp khảo sát, thu thập số liệu

##### 2.2.1. Thu thập số liệu thứ cấp

Kế thừa các kết quả nghiên cứu đã được công bố như bài báo, đề tài nghiên cứu khoa học, chính sách, đề án, chương trình có liên quan đến phát triển sản xuất RAT. Các báo cáo của huyện, xã, liên quan đến đề tài.

##### 2.2.2. Thu thập số liệu sơ cấp

- Phỏng vấn định hướng (sử dụng bảng hỏi): Tiến hành khảo sát, phỏng vấn các đối tượng gồm hộ nông dân thông qua phiếu phỏng vấn đã được chuẩn bị trước. Phiếu phỏng vấn được đưa ra sau khi thực hiện các bước: khảo sát qua thực tế các hộ trồng rau, lập bảng hỏi, phỏng vấn thử đối với bảng hỏi, điều chỉnh bảng hỏi cho phù hợp.

- Thảo luận nhóm nông dân: Đề tài thực hiện khoảng 02 cuộc họp với các nhóm nông

dân nhằm thảo luận sâu về các vấn đề có liên quan đến sản xuất rau an toàn trên địa bàn để lấy ý kiến cho việc xây dựng bảng phân tích SWOT.

- Phòng vấn bán định hướng các nhà quản lý cấp huyện, xã có vùng trồng RAT như trạm trưởng trạm bảo vệ thực vật, trung tâm khuyến nông, trưởng phòng kinh tế huyện về tình hình thực hiện sản xuất và tiêu thụ RAT trên địa bàn huyện Quốc Oai.

+ Tham khảo ý kiến của các chuyên gia về các vấn đề liên quan.

### 2.3. Phương pháp phân tích

- Phương pháp thống kê mô tả
- Phương pháp thống kê so sánh
- Phương pháp phân tích SWOT

## III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Sản xuất rau an toàn ở huyện Quốc Oai

#### 3.1.1. Diện tích, năng suất, sản lượng RAT tại địa phương

Diện tích, năng suất, sản lượng RAT trên địa bàn huyện có nhiều thay đổi trong 3 năm trở lại đây (bảng 1).

**Bảng 1. Diện tích, năng suất và sản lượng RAT trên địa bàn huyện Quốc Oai giai đoạn 2011 – 2013**

Năm	Diện tích (ha)			Năng suất (tạ/ha)		Sản lượng (tấn)			
	Tổng diện tích	RAT		Năng suất bình quân	RAT		Sản lượng	RAT	
		Diện tích	Tỷ trọng (%)		Năng suất	So sánh (%)		Sản lượng	Tỷ trọng (%)
2011	885,6	136,5	15,41	138	130	94,20	12222,5	1774,5	14,52
2012	832,9	188,7	22,66	194,4	160,3	82,46	16192	3024,9	18,68
2013	870,15	190,1	21,85	191,94	165	85,96	16701,8	3136,7	18,78

(Nguồn: Phòng kinh tế huyện Quốc Oai, 2013)

Số liệu bảng 1 cho thấy diện tích trồng RAT tăng lên qua 3 năm với tốc độ phát triển bình quân là 118%, chiếm trên 20% trong tổng diện tích gieo trồng rau. Năng suất RAT cũng tăng từ 130 tạ/ha lên 160 và 165 tạ/ha. Sản lượng

RAT chiếm từ 14 đến 18% trong tổng sản lượng rau của toàn huyện.

Diện tích trồng RAT phân theo các xã được thể hiện qua bảng 2:

**Bảng 2. Diện tích trồng RAT phân theo xã năm 2013 trên địa bàn huyện**

Xã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích RAT (ha)	Cơ cấu (%)	Tỷ lệ RAT trong tổng DT (%)
Tân Phú	65	65	34,01	100
Đồng Quang	38,36	28	14,65	72,99
Sài Sơn	98,27	32	16,75	32,56
TT Quốc Oai	21,04	15	7,85	71,29
Yên Sơn	80,5	51,1	26,74	63,48
Tổng	329,67	191,1	100,00	57,97

(Nguồn: Phòng kinh tế huyện Quốc Oai, 2014)

Bảng 2 cho ta thấy trên toàn địa bàn huyện Quốc Oai có 5 xã làm vùng sản xuất RAT. Cụ thể xã Tân Phú 100% diện tích trồng rau tập trung được quy hoạch sản xuất RAT, tỷ lệ này tương ứng là 72,99%; 71, 29%; 63,48% ở các xã Đồng Quang, TT Quốc Oai và Yên Sơn.

Riêng có xã Sài Sơn diện tích trồng rau là 80,5 ha, nhưng tỷ lệ diện tích trồng RAT chưa cao, chỉ đạt 32,56%.

Về cơ cấu thì hai xã Tân Phú và Yên Sơn là hai xã có diện tích trồng RAT lớn nhất trong toàn huyện là 34,01% và 26,74% trong tổng

diện tích RAT. Đây cũng là 2 xã đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất RAT có thời hạn đến năm 2017.

**3.1.2. Tình hình trồng RAT tại một số địa phương của huyện**

+ Cơ cấu, chủng loại:

RAT được trồng ở Quốc Oai là những loại rau cơ bản, thông thường mà người tiêu dùng lựa chọn như: Hành hoa, Cải ăn lá các loại (Cải

ngọt, Cải xanh, Cải bắp, Súp lơ), rau ăn quả (Đậu đũa, Đậu trạch, Dưa chuột, Cà pháo, Cà trắng, Cà chua, Mướp), rau thơm. Trong đó chủ yếu được trồng là Bắp cải, Cà chua, Dưa chuột, Đậu trắng chiếm 80% diện tích trồng RAT.

+ Thời vụ:

Tùy từng loại đất và tùy theo sự phù hợp giữa các loại cây trồng xen kẽ mà người dân có các công thức trồng RAT khác nhau.

**Bảng 3. Một số công thức trồng rau tùy theo từng loại đất**

Loại đất	Thời vụ			
	Tháng 1-4	T 4 – T7	T8-T10	T10-T12
Đất cát pha - thịt nhẹ (Công thức 1)	Hành hoa	Mướp đắng	Cà chua, cải củ	Bí xanh, dưa chuột
Đất cát pha - thịt nhẹ (Công thức 2)	Cải canh	Mướp đắng	Cải củ	Bí đao, dưa chuột
Đất cát pha - thịt nhẹ (Công thức 3)	-	Mướp đắng	Đậu trạch, cà chua, cải củ	Bí đao, cà chua
Đất cát pha (Công thức 1)	Bắp cải	Rau bí	Cải củ	Bắp cải, súp lơ, xu hào
Đất cát pha (Công thức 2)	Cải xanh	Hành hoa	Bắp cải	Súp lơ, cà rốt
Đất cát pha (Công thức 3)	Cải ngọt, cải bao, súp lơ	Hành hoa	Cải củ	Cải ngọt, cải bao, súp lơ
Đất cát pha (Công thức 4)	Bắp cải	Mướp đắng	Bắp cải	Su hào

(Nguồn: Số liệu điều tra nông hộ, 2014)

Qua bảng 3, ta thấy thời gian bố trí các loại RAT của các hộ tập trung chủ yếu là rau vụ đông xuân, bao gồm: Cà chua, Cải bắp, Su hào, Súp lơ, Đậu trắng. Các loại rau chủ lực vụ hè từ tháng 3 trở đi chủ yếu là Mướp đắng và Hành hoa.

**3.1.3. Tình hình sử dụng thuốc bảo vệ thực vật cho RAT**

Thống kê về tình hình sử dụng thuốc bảo vệ thực của Trạm trưởng Trạm Bảo vệ thực vật huyện Quốc Oai giai đoạn 2011-2013 như sau:

- Có khoảng 30 - 35% số hộ không quan tâm đến thời gian cách ly khi thu hoạch nông sản.

- Có 30 - 35% số hộ nông dân phun thuốc không đúng nồng độ, liều lượng;

- Có 35 - 40% số hộ nông dân phun thuốc không đúng quy cách, đúng thời điểm.

- Có 65 - 70% số hộ nông dân không sử dụng bảo hộ lao động khi đi phun thuốc.

- Khoảng 90% số hộ sau khi phun thuốc xong vứt bao bì thuốc bảo vệ thực vật bừa bãi trên ruộng, rửa dụng cụ bình bơm không đúng nơi quy định.

Qua nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy các hộ nông dân trồng RAT sau khi tham gia các lớp tập huấn phòng trừ dịch hại tổng hợp (IPM) đã sử dụng thuốc bảo vệ thực vật đúng quy trình hơn. Khi mật độ sâu và tỷ lệ bệnh thấp thì việc sử dụng thuốc ít, người dân đảm bảo thời gian

cách ly thuốc. Khi dịch hại phát sinh mật độ sâu, tỷ lệ bệnh cao thì số lần sử dụng thuốc nhiều lần/vụ; thời gian cách ly thuốc không đảm bảo (thu hoạch sau khi phun thuốc 5 – 7 ngày).

- Thời điểm phòng trừ: Phun khi sâu non nở rộ, bệnh mới phát sinh.

- Số lần phun thuốc trong vụ: Tùy từng loại rau, tùy mức độ dịch hại mà số lần phun thuốc khác nhau. Số lần phun thuốc từ 1-7 lần/vụ.

### 3.1.4. Tình hình sử dụng phân vô cơ cho một số loại RAT

Hiện nay, nhất là đối với cây rau, với tốc độ vòng quay cây trồng lớn, thâm canh cao, mức độ sử dụng phân bón cũng như hóa chất bảo vệ thực vật cao hơn rất nhiều so với cây trồng khác. Đặc biệt là sử dụng phân vô cơ còn nhiều và chưa cân đối. Có thể thấy qua bảng số liệu điều tra bảng 4.

**Bảng 4. Tình hình sử dụng phân vô cơ cho một số loại RAT**

Loại Phân	Cây trồng				
	Cải bắp	Su hào	Cải canh, cải ngọt	Đậu các loại	Hành
Đạm (kg/sào)	9,3	6,3	2,5	2	7
Số lần bón(lần)	6	4	2	1	3
TG cách ly(ngày)	20	20	13-15	35	12-13
Lân (kg/sào)	13	0	0	0	0
Số lần bón	1				
Kali (kg/sào)	4,6	0	0	2,5	0
Số lần bón	4				
NPK (kg/sào)	19,6	16,3	9	13 lót	26
Số lần bón	3	3	1	1	3

(Nguồn: Số liệu điều tra nông hộ, 2014)

Qua bảng tổng hợp kết quả điều tra cho thấy: các hộ trồng rau sử dụng chưa cân đối giữa các loại phân, phân đạm vẫn còn dùng nhiều (Cải bắp bón 9,3 kg/sào), quy trình hướng dẫn sản xuất RAT là 6-8kg/sào, bón

muộn nên rau hay bị nhiễm bệnh và còn dư lượng Nitrate trong sản phẩm thu hoạch.

### 3.1.5. Tình hình sử dụng nước tưới cho rau

Qua điều tra phỏng vấn 60 hộ dân trồng RAT xã Tân Phú thì thu được kết quả như sau:

**Bảng 5. Thực trạng sử dụng nước tưới và kỹ thuật tưới RAT**

STT	Chỉ tiêu	Tiêu chuẩn đánh giá	Xã Tân Phú (30 hộ)		Xã Sài Sơn (30 hộ)	
			Số hộ điều tra	Tỷ lệ (%)	Số hộ điều tra	Tỷ lệ (%)
1	Nguồn nước tưới	Giếng khoan	21	70	25	83,33
		Tự nhiên (ao, hồ, sông)	9	30	5	16,67
		Nước thải công nghiệp, sinh hoạt	0	-	0	-
2	Thời gian tưới	Tưới sáng	4	13,33	7	23,33
		Tưới chiều	26	86,67	23	76,67
		Tưới trưa	0	0	0	
3	Cách tưới	Tưới rãnh	15	50	12	40
		Tưới gốc	8	26,66	10	33,33
		Tưới phun	5	16,67	5	16,67
		Kết hợp	2	6,67	3	10

(Nguồn: Kết quả điều tra nông hộ, 2014)

Kết quả điều tra qua bảng 5 cho thấy:

Về nguồn nước tưới: Trước năm 2014, khi chưa thực hiện công cuộc dồn điền đổi ruộng, hầu hết các chủ hộ sử dụng nước tự nhiên từ sông, hồ hay từ kênh, mương chung. Nhưng từ năm 2014, sau khi dồn điền đổi ruộng, diện tích canh tác rau của các hộ đã được tập trung vào một khoảnh, cho nên phần lớn các hộ đã sử dụng nước giếng khoan đào ngay tại ruộng để tưới nước, chiếm đến 70% số hộ được điều tra. Tuy nhiên, vẫn còn một số hộ sử dụng nước tự nhiên ao hồ sông suối để tưới. Sở dĩ có điều này là do trong vùng có thời điểm vào mùa khô hạn. Tuy nhiên, không có hộ nào sử dụng nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt. Nước tự nhiên ở hai xã Tân Phú, Yên Sơn mà người dân sử dụng là nước ở sông Đáy. Nguồn nước này thường được sử dụng để tưới cho rau vào mùa mưa và được cấp từ các trạm bơm trong vùng.

**3.1.6. Hiện trạng cơ sở hạ tầng các vùng sản xuất rau tập trung trên địa bàn huyện Quốc Oai**

+ Hệ thống trạm bơm: Hiện nay, hệ thống trạm bơm phục vụ các vùng sản xuất rau tập trung của huyện đều sử dụng các trạm bơm phục vụ chung cho sản xuất Lúa, chỉ có rất ít các trạm bơm chuyên phục vụ cho sản xuất RAT. Thống kê hiện có 5 trạm bơm phục vụ cho sản xuất RAT tương ứng với 5 xã có vùng trồng RAT tập trung (chủ yếu là sản xuất vụ Đông).

+ Hệ thống kênh tiêu: Theo thống kê các vùng quy hoạch hiện có 12km kênh tiêu, toàn

bộ hệ thống là kênh đất. Ngoài ra ở xã Tân Phú thì có trạm bơm tiêu Đại Thành công suất 2 máy 2500m<sup>3</sup>/h.

+ Hệ thống giếng khoan: Trước đây thì các hộ dân chủ yếu là sử dụng nước tưới từ các trạm bơm của xã, thị trấn. Nhưng từ cuối năm 2013 khi thực hiện việc dồn điền đổi thửa thành công ở các xã, các hộ dân đã có khu trồng rau của gia đình tập trung thì hầu hết người dân đều đã từ đầu tư để đào giếng khoan tại ruộng lấy nước để phục vụ cho sản xuất. Theo điều tra thì chi phí đầu tư cho một giếng khoan hiện nay là 1 triệu đồng và giá để mua máy bơm từ giếng ra ruộng dao động từ 1,5 đến 2 triệu với máy thông thường. Điều này đã tạo điều kiện cho nguồn cung cấp nước cho rau an toàn sẽ được tốt hơn và đảm bảo chất lượng nguồn nước tưới.

+ Hệ thống các bể chứa bao bì, vỏ vật tư và thuốc bảo vệ thực vật: Qua nghiên cứu 2 xã thì mỗi xã đã được Cục Bảo vệ Thực vật thành phố Hà Nội đầu tư cho mỗi xã trong chương trình “làm sạch cánh đồng” số lượng là 60 thùng chứa bao bì, vỏ vật tư được đặt ngay cạnh các ruộng rau.

+ Hệ thống nhà lưới: Chưa có, bởi theo người dân đầu tư nhà lưới rất tốn kém.

+ Nhà sơ chế sản phẩm: Hiện các vùng sản xuất RAT của huyện chưa được đầu tư hệ thống nhà sơ chế sản phẩm, kho bảo quản, các sản phẩm rau sau khi thu hoạch chỉ được rửa qua trước khi đưa đi tiêu thụ.

**3.1.7. Tình hình phân phối và tiêu thụ RAT**

**Bảng 6. Nguồn tiêu thụ RAT của nông dân**

STT	Nguồn tiêu thụ	Xã Tân Phú		Xã Yên Sơn	
		Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)
1	Bán rong	0	0	1	3,33
2	Bán lẻ tại chợ địa phương	21	70	23	76,67
3	Bán cho nhà hàng và khách sạn	1	3,33	2	6,67
4	Bán cho cơ sở chế biến	0	0	0	0
5	Bán cho cơ sở xuất khẩu	0	0	0	0
6	Bán buôn tại chợ	27	90	25	83,33
7	Bán buôn tại ruộng	13	43,33	12	40,00

(Nguồn: Số liệu điều tra nông hộ, 2014)

Rau sau khi thu hoạch được xếp vào các loại đồ chứa như sọt tre, rổ tre... rồi được vận chuyển, phân phối tại các chợ, các điểm tiêu thụ bằng nhiều phương tiện vận chuyển khác nhau như xe gắn máy, xe đạp hoặc gồng gánh. Phần lớn sản phẩm rau của các hộ nông dân đều không có bao bì, nhãn mác. Như vậy không thể xác định được nguồn gốc cũng như mức độ an toàn của sản phẩm. Tại xã Yên Sơn mới triển khai chương trình dán tem nhận diện sản phẩm năm 2014 và theo dõi việc tiêu thụ sản phẩm RAT sau khi dán tem, từng bước thực hiện việc sản xuất RAT thực sự theo tiêu chuẩn VietGAP.

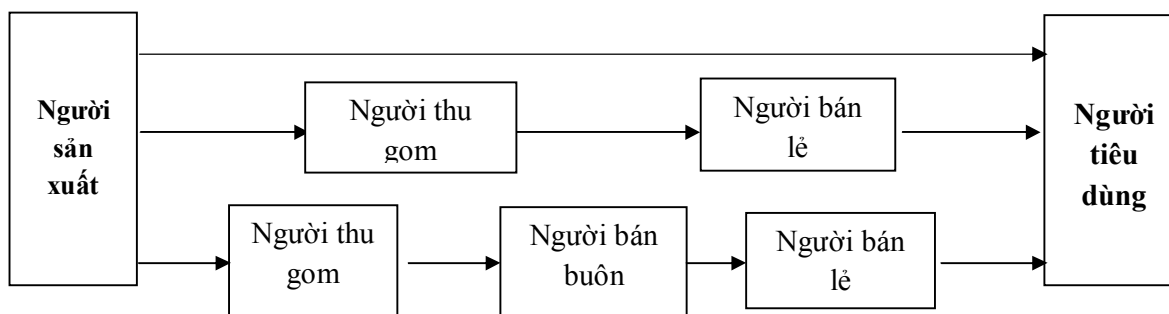
Tuy là những khu vực sản xuất rau hàng hoá, song phần lớn người dân tự tiêu thụ thông qua các hình thức tự mang đi bán: Bán lẻ tại chợ địa phương và bán buôn với tỷ lệ chiếm cao nhất trên 70% số hộ lựa chọn các hình thức này.

Hình thức bán tại ruộng là hình thức sản

phẩm được các thương lái, chủ đại lý thu gom và vận chuyển đi tiêu thụ tại các xã trong huyện và quận nội thành Hà Nội cũng chiếm đáng kể trong số hộ được điều tra tại hai xã (40%). Với những hộ nông dân có lực lượng lao động chính là những người trung niên và cao tuổi thì hình thức này được lựa chọn nhiều hơn cả, vì với hình thức này người lao động không phải lo khâu tiêu thụ nữa, tuy nhiên phần lợi nhuận cũng bị chia sẻ đi khá nhiều.

Giá bán các sản phẩm rau thường không ổn định: Kết quả điều tra cho thấy giá thường cao vào đầu và cuối vụ sản xuất. Hầu hết các loại rau, RAT vào thời điểm đầu mùa, giá thường cao gấp 1,8 – 2,5 lần so với giá bán giữa vụ. Giá bán giữa RAT và rau truyền thống cũng chưa có sự khác biệt nhiều.

Từ việc điều tra các nguồn tiêu thụ RAT của các hộ nông dân, có thể sơ đồ hóa các kênh tiêu thụ rau chính trên địa bàn huyện Quốc Oai như sau:



**Sơ đồ 1. Các kênh tiêu thụ RAT**

Nhìn chung, hệ thống tiêu thụ RAT trên địa bàn huyện mới dừng lại ở mức chợ, còn thiếu nhiều cửa hàng bán RAT ở các khu đô thị, khu công nghiệp cũng như các chợ trung tâm huyện, thị, thành.

*“Cũng có một số thương lái tại xã Tân Phú đi buôn rau tìm được một số mối hàng là siêu thị và nhà hàng, họ cũng đã trình giấy tờ chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất RAT, nhưng thực tế rau lại không có nhãn mác và không có ai đứng ra kiểm định chất lượng nên rau cũng khó tiêu thụ tại nhà hàng, khách sạn hay trường học”* – Theo lời kể của anh

Nguyễn Hoàng Kiên – Cán bộ khuyến nông xã Tân Phú.

Có thể nói RAT được sản xuất ở các mô hình đều gặp khó khăn trong vấn đề tiêu thụ, trong nhiều trường hợp RAT phải bán như rau chợ thông thường khác.

### **3.2. Hiệu quả sản xuất RAT**

#### **3.2.1. Hiệu quả kinh tế sản xuất một số loại RAT chính**

Lợi nhuận thuần đạt cao nhất là súp lơ đạt 25,76 triệu đồng/ha/vụ, bắp cải 21,36 triệu đồng/ha/vụ, bí xanh 21,34 triệu đồng/ha/vụ, mướp đắng 20,25 triệu đồng/ha/vụ. Xét về hiệu

quả của một đồng chi phí sản xuất bỏ ra thì rau Bí (0,44), Bắp cải (0,38), Súp lơ (0,44), Cải củ (0,39) đem lại hiệu quả lợi nhuận trên một đồng chi phí là cao hơn cả.

Tuy nhiên, khi xem xét thực tế, tác giả cũng nhận thấy:

- Cùng một loại rau, hiệu quả ở các thời vụ khác nhau là không giống nhau. Với giống rau chịu nhiệt thì vụ Hè Thu có lãi cao hơn, và

ngược lại (trong điều kiện thị trường ổn định, rau trồng chính vụ).

- Một số rau mang lại lợi nhuận cao hơn như Rau thơm, Xà lách, Hành hoa,... nhưng đòi hỏi phải đầu tư lớn, tay nghề cao, và chịu rủi ro nhiều hơn. Những loại rau có lãi thấp hơn là những loại rau phổ thông, đầu tư thấp hơn, dễ sản xuất và tiêu thụ, vì vậy có tỷ trọng diện tích cao hơn như: Su hào, Cải bắp, Đậu các loại.

**Bảng 7. Hiệu quả kinh tế một số loại RAT chính (trên ha gieo trồng/vụ) (1000 đồng)**

STT	Loại rau	Chi phí (IC)	Giá trị sản xuất (GO)	Thu nhập thuần	Lợi nhuận thuần	Lợi nhuận/1đ chi phí sản xuất
1	Bắp cải	56.645	78.000	50.230	21.355	0,38
2	Su hào	46.465	55.000	25.035	8.535	0,18
3	Súp lơ	58.245	84.000	54.255	25.755	0,44
4	Cà chua	62.200	81.000	50.300	18.800	0,30
5	Cải canh	47.240	62.500	33.260	15.260	0,32
6	Bí xanh	55.660	77.000	42.340	21.340	0,38
7	Mướp đắng	63.748	84.000	46.502	20.252	0,32
8	Hành hoa	47.148	63.000	34.602	15.852	0,34
9	Rau thơm	49.661	66.000	35.839	16.339	0,33
10	Xà lách	44.640	60.000	34.110	15.360	0,34
11	Đậu đũa, đậu trạch	59.700	72.000	34.800	12.300	0,21
12	Cải củ	45.465	63.000	32.103	17.535	0,39
13	Rau bí	43.360	61.000	34.870	17.640	0,41

(Nguồn: Số liệu điều tra nông hộ, 2014)

### 3.3. Phân tích SWOT đánh giá chung về sản xuất và phát triển RAT trên địa bàn huyện

#### 3.3.1. Điểm mạnh, điểm yếu

	Điểm mạnh	Điểm yếu
<b>Giống</b>	- Giống rau trên địa bàn huyện là những giống rau truyền thống, người dân có nhiều kinh nghiệm trồng trọt và chống bệnh.	- Chủng loại rau chưa đa dạng (chủ yếu là rau ăn lá, đậu các loại...) - Quy trình sản xuất an toàn cũng chỉ mới được ứng dụng đối với các giống truyền thống
<b>Đất đai, khí hậu, cơ sở hạ tầng</b>	- Khí hậu tương đối ổn định - Các vùng quy hoạch RAT đều có điều kiện thuận lợi về đất đai cho phát triển RAT. - Công tác dồn đổi ruộng trên địa bàn huyện về cơ bản đã hoàn thành tại các xã có vùng quy hoạch RAT, người dân có điều kiện sản xuất tập trung.	- Đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp do quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh. - Đất đai trồng rau sử dụng thâm canh cây trồng, làm nhiều vụ, chịu tác động thường xuyên của các hóa chất, phân vô cơ, chất kích thích sinh trưởng... gây ra nguy cơ ô nhiễm môi trường đất, không khí là rất lớn. - Cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ (giao thông, thủy lợi, điện, kênh...)

<p><b>Chất lượng sản phẩm</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật canh tác RAT chưa cao, việc ứng dụng kỹ thuật canh tác mới còn chưa đồng bộ, nên chất lượng rau không đồng đều.</li> <li>- Kỹ thuật gieo trồng còn theo kinh nghiệm, tập quán, thói quen canh tác và sử dụng nhiều thuốc BVTV để rau sinh trưởng tốt.</li> </ul>
<p><b>Giá cả</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá thu mua rau an toàn cao hơn rau thường, mang lại lợi nhuận cao cho người trồng rau an toàn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số lượng rau không nhỏ người nông dân phải bán lẻ ra chợ với mức giá ngang với rau thường khi rau được mùa.</li> <li>- Sự không phân biệt rõ ràng về RAT và giá tương ứng trên thị trường khiến người tiêu dùng hoang mang.</li> <li>- Lòng tin của người tiêu dùng vào RAT còn chưa được khẳng định.</li> </ul>
<p><b>Sản lượng</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản lượng rau an toàn còn thấp so với các huyện lân cận như Mê Linh, Gia Lâm, Hoài Đức... nên chưa đáp ứng đủ nhu cầu cho người tiêu dùng tại huyện cũng như người dân nội thành Hà Nội.</li> <li>- Chưa có rau để xuất khẩu.</li> </ul>
<p><b>Qui trình sau thu hoạch</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Huyện vẫn chưa có hệ thống sản xuất, thu gom, bảo quản tiêu thụ, chưa xây dựng được thương hiệu rau an toàn. Hầu hết các chợ trung tâm của thôn, xã, thị trấn trong huyện đều chưa có quầy bán rau an toàn phục vụ người tiêu dùng.</li> <li>- Rau chủ yếu là bán tươi, sơ chế thô sơ. Chưa hình thành được mối liên kết giữa người sản xuất và doanh nghiệp chế biến.</li> <li>- Công nghệ bảo quản chế biến chỉ dừng ở mức đơn giản, truyền thống, sản phẩm nhanh bị hao hụt, hư hỏng...</li> </ul>

### 3.3.2. Cơ hội, thách thức

	Cơ hội	Thách thức
<p><b>Nhu cầu thị trường</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhu cầu tiêu thụ rau an toàn ngày càng tăng cao, nhất là ở thành thị =&gt; có thể tăng sản lượng lớn.</li> <li>- Nhu cầu về nguồn nguyên liệu chế biến đúng yêu cầu xuất khẩu cũng cao (các công ty chế biến). Đây là một thị trường mà huyện còn bỏ ngỏ.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Với quy mô và trình độ sản xuất hiện nay, RAT huyện Quốc Oai chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ nội địa, chưa nói tới xuất khẩu.</li> <li>- Nhiều thông tin về không đảm bảo chất lượng RAT trên truyền hình, báo chí là một rào cản lớn trong tiến trình xây dựng lòng tin của người tiêu dùng vào RAT.</li> </ul>



<b>Sản phẩm</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là sản phẩm tiềm năng có cơ hội mở rộng diện tích, đa dạng về chủng loại và tăng năng suất hơn nữa.</li> <li>- Rất nhiều tiến bộ kỹ thuật được ứng dụng trong nông nghiệp tạo ra những đột phá trong năng suất và chất lượng cây rau.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đất đai cho quy hoạch phát triển RAT bị cạnh tranh bởi các loại cây trồng khác cũng đem lại lợi thế không nhỏ cho người nông dân.</li> </ul>
<b>Thương hiệu, nhãn hiệu</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã có một số chương trình như photo giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất rau an toàn, dán nhãn nhận diện sản phẩm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa có thương hiệu thực sự cho sản phẩm RAT của huyện Quốc Oai.</li> <li>- Khó khăn khi cạnh tranh thương hiệu với các sản phẩm cùng loại của các quận, huyện có truyền thống sản xuất RAT.</li> </ul>
<b>Sự quan tâm của các tổ chức</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch tổng thể nông nghiệp của cả nước, vùng đồng bằng sông Hồng, thành phố Hà Nội, huyện Quốc Oai xác định tăng cường đầu tư phát triển sản xuất RAT, từng bước nâng cao tỷ trọng của RAT trong nông nghiệp của địa phương.</li> <li>- Huyện Quốc Oai đã tiến hành quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn đến năm 2020.</li> <li>- Người nông dân trồng rau an toàn cũng đã nhận được một số sự giúp đỡ của huyện và của thành phố.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc quan tâm, hỗ trợ, kiểm soát còn chưa đồng bộ và chặt chẽ, nhất là trong công tác chứng nhận vùng rau an toàn.</li> <li>- Công tác nghiên cứu thị trường, quảng bá sản phẩm chưa được đẩy mạnh.</li> <li>- Hỗ trợ vốn còn rất hạn chế.</li> </ul>

### **3.4. Giải pháp nhằm phát triển sản xuất rau an toàn trên địa bàn huyện Quốc Oai**

Trước tiên, huyện cần quy hoạch chi tiết các vùng sản xuất tập trung, tăng cường công tác dồn điền đổi thửa, tập trung ruộng đất đảm bảo điều kiện cho sản xuất lớn.

Thứ hai, tổ chức sản xuất gắn liền với tiêu thụ. Bao gồm: củng cố, hình thành các hình thức hợp tác trong sản xuất RAT bằng việc phát triển kinh tế trang trại; hình thành các doanh nghiệp sản xuất và tiêu thụ RAT; nâng cao vai trò và trách nhiệm của từng chủ thể tham gia sản xuất, xây dựng mô hình điểm về sản xuất RAT để mọi người cùng học hỏi.

Thứ ba, kiểm soát sản xuất và kiểm tra chất lượng sản phẩm, chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm. Hoàn thiện hệ thống sản xuất theo quy trình chuẩn VietGap. Thường xuyên kiểm

tra chất lượng sản phẩm thông qua việc từ kiểm tra, cán bộ kiểm tra, thanh tra kiểm tra. Cần đào tạo đội ngũ cán bộ đủ năng lực để kiểm tra, tăng cường các trang thiết bị kỹ thuật phù hợp với công tác kiểm tra.

Thứ tư, tăng cường hơn nữa việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất RAT. Các hộ cần tuyển chọn và bố trí cơ cấu giống, cơ cấu mùa vụ hợp lý. Huyện tăng cường hướng dẫn kỹ thuật sản xuất RAT theo quy trình VietGap, từng bước tiến tới xây dựng các cơ sở sản xuất giống RAT trên địa bàn huyện.

Thứ năm, tăng đầu tư cho sản xuất RAT. Kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, chế biến và tiêu thụ RAT, lồng ghép nguồn vốn phi chính phủ trên địa bàn để phát triển RAT, duy trì nguồn vốn của dân để sản xuất RAT hàng năm, tăng cường vốn vay cho đầu

tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất (giao thông, thủy lợi, điện, nhà lưới, ...).

Thứ sáu, tăng cường tuyên truyền, xúc tiến thương mại thúc đẩy sản xuất, tiêu thụ RAT.

#### **IV. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ**

Phát triển RAT ở huyện Quốc Oai có nhiều lợi thế: Nhu cầu về RAT của thị trường trong và ngoài huyện ổn định; vị trí thuận lợi, giàu tiềm năng về đất đai và lao động; hoạt động du lịch, công nghiệp đang diễn ra mạnh mẽ; huyện đang trong xu thế hội nhập với quốc tế, thuận lợi trong tiếp cận tiến bộ kỹ thuật, nguồn vốn đầu tư lại có chủ trương và chính sách ưu đãi cho phát triển RAT. Qua điều tra, khảo sát, thu thập số liệu từ các đối tượng có liên quan đến sản xuất rau an toàn, nghiên cứu đã phân tích được thực trạng phát triển sản xuất rau an toàn trên địa bàn huyện Quốc Oai qua 3 năm 2011-2013. Trên cơ sở phân tích thực trạng phát triển sản xuất rau an toàn tại huyện Quốc Oai, thông qua các số liệu thu được từ điều tra các đối tượng liên quan đến thực trạng phát triển sản xuất rau an toàn, bài viết cũng đã

đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức trong phát triển sản xuất RAT trên địa bàn huyện Quốc Oai. Đây chính là các căn cứ để xác định các giải pháp nhằm thúc đẩy sản xuất và phát triển, mở rộng vùng sản xuất RAT trên địa bàn huyện.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT (2008), *Quyết định số: 99/2008/QĐ-BNN ngày 15 tháng 10 năm 2008 - Ban hành Quy định quản lý sản xuất, kinh doanh rau, quả và chè an toàn.*
2. Bộ trưởng bộ NN&PTNT (2007), *Quyết định số 106/2007/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy định quản lý, sản xuất và kinh doanh rau an toàn.*
3. Phạm Văn Cận – Chi cục BVTV Hòa Bình, *Sản xuất rau an toàn ở thị xã Hòa Bình – Tỉnh Hòa Bình.*
- UBND huyện Quốc Oai (2010), *Quy hoạch chung vùng sản xuất rau an toàn tập trung xã Tân Phú.*
4. UBND huyện Quốc Oai (2013), *Báo cáo kinh tế xã hội huyện Quốc Oai năm 2013.*
5. UBND Thành phố Hà Nội, *Quyết định phê duyệt quy hoạch phát triển kinh tế xã hội huyện Quốc Oai đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.*
6. <http://Hanoimoi.com.vn/>

## **CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS TO DEVELOP SAFE VEGETABLE GROWING IN QUOC OAI DISTRICT, HA NOI**

**Nguyen Thu Trang**

### **SUMMARY**

Vegetables market in Hanoi is very large, thus the increase in area, productivity, quantity of vegetables, especially safe vegetables is necessary. Quoc Oai is one of districts in Hanoi that has focused on implementing various programs, schemes and policies for the development of safe vegetable growing areas in the district as building a focused area for growing safe vegetables in Tan Phu, organizing training programs for farmers, applying for the VietGAP certificate of safe vegetables growing in some communes, identifying label for the origin of goods and gradually making safe vegetable growing following VietGAP procedures. However, a survey on the status and SWOT analysis in the safe vegetable growing and its development in Quoc Oai district still shows many limitations and shortcomings that need to be overcome. The research also suggests some practical solutions in order to contribute to the development of safe vegetable growing in the district, meet the increasing demands of consumers, improve farmers' income and increase social benefits.

**Keywords:** *Area of safe vegetables, Quoc Oai province, safe vegetable, safe vegetable growing, VietGap.*

**Người phản biện** : PGS.TS. Lê Trọng Hùng

**Ngày nhận bài** : 05/10/2015

**Ngày phản biện** : 13/5/2015

**Ngày quyết định đăng** : 09/6/2015